

Bản án số: 241/2020/HSST
Ngày: 18 – 8 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Yên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị T4 H1 (Hội thẩm giáo viên)**.

Ông Trần Xuân Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Vân Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn T Kiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 246/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số 240/2020/QĐXXST-HS** ngày 30 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 24/6/2004, tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: tổ 39a, khu 3, phường CX, thành phố H tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: không. Đoàn thể: không; Họ tên bố: Đỗ Văn Thắng, sinh năm 1976; Họ tên mẹ: Lương Thị Ánh T2, sinh năm 1980; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo Đỗ Văn T bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2020 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Văn D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 7/12/2004, tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 60A, khu 5, phường CX, thành phố H tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Nghề

nghịệp: không. Đoàn thể: không; Họ tên bố: Lê Văn T5, sinh năm 1986; Họ tên mẹ: Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1986; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo Lê Văn D bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2020 tại Trạm tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Họ và tên:* **Nguyễn T4 T1**; *Tên gọi khác:* Không; *Giới tính:* Nữ;

Sinh ngày 20/6/2002, tại tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: tổ 4, khu 1, phường THĐ, thành phố H tỉnh Quảng Ninh; *Quốc tịch:* Việt Nam; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* Không; *Trình độ văn hóa:* Lớp 7/12; *Nghề nghiệp:* không. *Đoàn thể:* không; *Họ tên bố:* Nguyễn Xuân C (đã chết); *Họ tên mẹ:* Lê Thị Thêm, sinh năm 1983; *Anh chị em ruột:* không có; Chưa có chồng, con;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Nhân thân: Ngày 15/5/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thH1 tích”.

Hiện đang thi hành án tại trại giam Xuân Nguyên, Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

+ *Đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn T:* Bà **Lương Thị Ánh T2** – sinh năm 1980 (Nơi cư trú: Tổ 39A, khu 3, phường CX, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh). Có mặt.

+ *Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn D:* Bà **Phạm Thị Thúy L** – sinh năm 1986 (Nơi cư trú: Tổ 60A, khu 5, phường CX, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh). Có mặt.

+ *Người bào chữa của bị cáo Nguyễn T4 T1:* Bà **Nguyễn Thị Thu H1** – sinh năm 1984 (Nơi cư trú: Tổ 4, khu 1, phường THĐ, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Có mặt.

+ *Người bào chữa của bị cáo Đỗ Văn T và Lê Văn D:* Ông **Nguyễn Hùng Tân**, bà **Vũ Thị Uyên** - Trợ giúp viên pháp lý, T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ninh. (có mặt bà Uyên, vắng mặt ông Tân –có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị hại:* + Ông **Bùi Đình H1** – sinh năm 1968 (Nơi cư trú: Tổ 47, khu 5, phường Cao Thắng, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

+ Ông **Vũ Quốc N** – sinh năm 1973 (Nơi cư trú: Tổ 5, khu 7, phường Hồng Hà, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi N vụ liên quan:* + Anh **Nguyễn Hùng C** – sinh năm 1990 (Nơi cư trú: Số nhà 308, đường Vũ Văn Hiếu, khu 5, phường Hà Tu, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

+ Ông **Vũ Bá C1** – sinh năm 1965 (Nơi cư trú: Tổ 3, khu 1, phường Hà Khánh, tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Vắng mặt.

+ Chị **Nguyễn Qa** – sinh năm 2005 (Nơi cư trú: Tổ 15, khu 3, phường Hà Phong, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh) – Đại diện hợp pháp của chị Quỳnh Anh: Anh **Nguyễn Trường**

Giang – sinh năm 1985 (Nơi cư trú: Tổ 15, khu 3, phường Hà Phong, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt.

+ Chị **Trần Bảo T3** – sinh năm 2005 (Nơi cư trú: Tổ 7, khu 4, phường THĐ, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh) – Đại diện hợp pháp của chị T3: Bà **Lê Thị T4** – sinh năm 1968 (Nơi cư trú: Tổ 7, khu 4, phường THĐ, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Vắng mặt.

+ Chị **Trần Thu H2** – sinh năm 2000 (Nơi cư trú: Tổ 10, khu 1, phường Bạch Đằng, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh **Nguyễn T Kiên** – sinh năm 2001 (Nơi cư trú: Tổ 6, khu 10, phường Hồng Hải, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Vắng mặt.

+ Anh **Dương Văn H3** – sinh năm 1985 (Nơi cư trú: Tổ dân phố Mai Đình, khu Đa Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang); Vắng mặt;

+ Anh **Phan T4 Tùng** – sinh năm 1971 (Nơi cư trú: Khu 5B, phường Bạch Đằng, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh); Vắng mặt;

+ Ông **Nguyễn Văn T5** – sinh năm 1978 (Nơi cư trú: Số nhà 83, đường Cao Thắng, tổ 52, khu 5, phường Cao Thắng, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Đỗ Văn T và Lê Văn D đã thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản” như sau:

Lần thứ nhất: Sáng ngày 30/3/2020, Lê Văn D rủ Đỗ Văn T đi cướp tài sản, T đồng ý và cùng D lên kế hoạch tiếp cận những người lái xe ô tô thuê chở đến nơi vắng vẻ để đe dọa cướp tài sản của họ. Vào hồi 17 giờ cùng ngày, T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave biển kiểm soát 14S1-2851 của Nguyễn T4 T1 chở D đi từ phòng trọ của T1 thuê thuộc tổ 2, khu 1, phường Hà Khánh, thành phố H đến khu vực ngã ba chân dốc giao thông thuộc tổ 5, khu 7, phường Hồng Hà, thành phố H. Trước khi đi, T mang theo 01 con dao bấm bằng kim loại (lấy ở phòng trọ của T1, không rõ của ai), D mang theo 01 bình xịt hơi cay và không nói cho T1 mượn xe để làm gì. Tại khu vực chân dốc giao thông, T và D nhìn thấy anh Vũ Quốc N làm nghề xe ôm đang đứng chờ khách nên nảy sinh ý định cướp tài sản. T dừng xe cách vị trí anh N khoảng 20 mét rồi bảo D điều khiển xe mô tô đội phía sau. T xuống xe đi đến bảo anh N chở đến khu vực phường CX, thành phố H, anh N đồng ý và điều khiển xe mô tô Honda Wave Alpha, màu đen bạc, biển kiểm soát 14B1-494.06 chở T về phía phường CX. D điều khiển xe mô tô của T1 đi theo sau xe anh N. Đến 18 giờ cùng ngày khi đến khu vực ngõ 20 CX, T bảo anh N rẽ vào ngõ đi lên khu vực Vườn Ồi thuộc tổ 42, khu 4A, phường CX, thành phố H. Thấy đoạn đường vắng người qua lại, T bảo anh N dừng xe rồi dùng con dao bấm mang theo người cầm bằng tay trái giơ về phía anh N đe dọa và yêu cầu anh N “Có bao nhiêu tiền đưa hết ra”. Ngay lúc đó, D điều khiển xe mô tô

đến cầm bình xịt hơi cay xịt một phát về phía mặt anh N khiến anh N hoảng sợ bỏ chạy thì T đuổi theo sau và nói: Đưa tiền đây không tao chọc chết. Sợ bị đâm, anh N lấy từ trong túi áo của mình số tiền 700.000đồng đưa cho T, T cầm tiền rồi lên xe mô tô do D điều khiển bỏ đi. Sau khi đi được 2 phút, T và D thống nhất quay lại đe dọa nhằm chiếm đoạt chiếc xe của anh N. Khi cả hai quay lại yêu cầu anh N đưa chìa khóa xe mô tô thì anh N xin T và D tha cho, cùng lúc đó ở phía xa có người dân đi qua nên T và D bỏ đi không thực hiện việc cướp xe mô tô của anh N nữa. Sau đó, T và D về phòng trọ đưa cho T1 số tiền 700.000đồng vừa cướp được nH3 không nói cho T1 biết nguồn gốc của số tiền để chi tiêu sinh hoạt chung.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02/4/2020, T và D tiếp tục mượn xe mô tô của Nguyễn T4 T1 để đi cướp tài sản. T mang theo 1 con dao gấp bằng kim loại và chở D đến khu vực phố Lê Hồng Phong thuộc phường Hà Lâm, thành phố H thì thấy anh Bùi Đình H1 là lái xe ôm đang đứng đợi khách. Sau khi quan sát và cùng thống nhất cướp tài sản của anh H1, T đã đưa con dao cho D và đỗ xe cách vị trí của anh H1 khoảng 50 mét để đợi còn D đi đến thuê anh H1 chở đến khu vực cây xăng Cao Thắng. Khi anh H1 dùng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius Biển kiểm soát 14X1-213.34 chở D đến khu vực đoàn đường thuộc tổ 18, khu 3, phường Hà Khánh, thành phố H thì nảy sinh nghi ngờ nên dừng xe lại. Ngay lập tức D dùng dao kề vào mạn sườn anh H1 đe dọa buộc anh H1 phải đưa xe mô tô cho D. Cùng lúc này, T điều khiển xe áp sát khiến anh H1 hoảng sợ bỏ chạy hô hoán cướp. Thấy vậy T dựng xe để D điều khiển còn T sang điều khiển xe mô tô vừa cướp được bỏ chạy về phía phường Hồng Hải. Đến khi vực gần nhà hàng “Nhất chiêu Lạng Sơn” thuộc tổ 3, khu 8, phường Hồng Hải, thành phố H, T và D dừng xe lại và kiểm tra trong cốp xe vừa cướp được có 01 chiếc ví giả da màu nâu, bên trong có số tiền 5.000.000đồng và một số giấy tờ gồm: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, 01 chứng minh nhân dân và 01 thẻ mô tô khách mang tên Bùi Đình H1. T giữ lại chiếc ví da, giấy đăng ký xe và số tiền 5.000.000đồng, số giấy tờ còn lại T vứt ở khu vực vỉa hè gần nhà hàng Nhất Chiêu Lạng Sơn.

Sau đó T và D điều khiển xe mô tô đến nhà bạn gái D là cháu Nguyễn Qatai tổ 7, khu 3, phường Hà Tu, thành phố H. Tại đây, D kể cho Qabiết việc vừa cướp được chiếc mô tô, đồng thời đưa cho Qa500.000đồng là tiền T và D vừa cướp được của anh H1.

Tiếp đó, T và D điều khiển 2 xe mô tô đến nhà nghỉ AnhTan thuộc tổ 3, khu 5, phường Hà Tu, thành phố H rồi T gọi điện thoại cho Nguyễn T4 T1 kể về việc vừa cướp được chiếc xe. Nghe vậy, T1 rủ Trần Thu H2 và Trần Bảo T3 cùng đi đến nhà nghỉ Anh Tan xem thế nào, nH3 **không nói cho H2 và T3 biết việc T và D phạm tội.** Tại đây, H2 và T3 đứng ngoài còn T1 vào gặp T và D; T1 bảo T và D bán xe nhanh

để không bị phát hiện. Sau đó, T, D, T1, H2, T3 cùng đi xe mô tô xuống khu vực Hà Tu để đón Qarôi cả 6 người quay về nhà trọ. Khi đi qua khu vực khu 5, phường Hà Tu thì T điều khiển xe mô tô vừa cướp được vào cửa hàng mua bán xe mô tô cũ của anh Nguyễn Hùng C bán cho anh C chiếc xe cùng giấy đăng ký được 8.800.000đồng. Khi bán xe T nói cho anh C biết chiếc xe là của ông bị cáo, không nói cho anh C biết nguồn gốc chiếc xe do bị cáo cướp mà có.

Sau khi bán được xe, D đón T đi ăn tiêu và mua một chiếc ví da mới để cất số tiền còn lại. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T và D quay về phòng trọ, T đưa cho T1 số tiền 3.000.000đồng và nói với T1 số tiền trên là tiền vừa bán xe cướp được, đưa cho T3 số tiền 200.000đồng. T giữ lại số tiền 200.000đồng để tại ví giả da màu nâu cướp được của anh H1. Số tiền 3.000.000đồng cất trong chiếc ví da mới mua của D đưa cho Qacát giấu tại phòng trọ. Sau khi nhận được tiền, T1 mua đồ ăn hết 200.000đồng, còn lại 2.800.000đồng, T1 để trong ví của H2 **nH3 không cho H2 biết**. Ngay sau xảy ra sự việc, anh Bùi Đình H1 đã đến Công an để trình báo.

Đến ngày 03/4/2020, Lê Văn D đến cơ quan công an đầu thú, Đỗ Văn T bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Vào hồi 07 giờ 40 phút ngày 03/4/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Văn T và Lê Văn D tại tổ 2, khu 1, phường Hà Khánh, thành phố H, thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS 14S1- 2851, số máy JC43E 1288733, số khung RLHJC4319AY620775; 01 con dao gấp bằng kim loại, màu đen kích thước dài 21cm, lưỡi dao có chữ “xiezi”; 01 chiếc áo khoác màu trắng có mũ, cổ áo có chữ Moschino; 01 chiếc quần dài màu đen, vải nỉ có 03 sọc kẻ màu trắng; 01 bình xịt màu đen có chữ “Police”, 01 chiếc ví gấp giả da màu đen kích thước 10x20cm bên trong có số tiền 3.000.000đồng; 01 chiếc ví giả da màu nâu, kích thước 10x20cm, trên ví có chữ “CROCODILE LEATHER” bên trong có số tiền 200.000đồng.

Cùng ngày Trần Thu H2, Nguyễn Quỳnh Anh, Trần Bảo T3 giao nộp số tiền 2.800.000đồng, 500.000đồng và 200.000đồng đã nhận từ T, D, T1 cho Cơ quan Điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 60/KLĐG ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: Trị giá 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, BKS 14X1-213.34 của anh H1 tại thời điểm bị xâm phạm là 14.235.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 99/KLĐG ngày 29/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: trị giá của 01 ví giả da màu nâu kích thước 10x20cm, trên ví có chữ “CROCODILE LEATHER” của anh H1 tại thời điểm bị xâm phạm là 125.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 108/KLĐG ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: Trị giá của 01 xe mô tô Honda Wave alpha, màu đen bạc, BKS 14B1-494.06 của anh N tại thời điểm bị xâm phạm là 14.910.000đồng.

Bản kết luận giám định số 3225/ C09-P3 ngày 05/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Bình xịt màu đen có chữ “Police” gửi giám định là công cụ hỗ trợ, có tính năng tác dụng dùng để xịt hơi cay.

Bị cáo T, D đã tác động gia đình, bồi thường thiệt hại cho những người bị hại 14.500.000 đồng, cụ thể: ông Vũ Quốc N nhận số tiền 700.000đồng và không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại; ông Bùi Đình H1 nhận lại được xe mô tô và số tiền 5.000.000đồng và không có yêu cầu gì; anh Nguyễn Hùng C đã nhận được số tiền bồi thường 8.800.000 đồng và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Tại Cáo trạng số 216/CT-VKSHL ngày 21/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Văn D về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn T4 T1, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91, Khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 30 (Ba mươi) tháng tù đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt 03/4/2020. Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 30 (Ba mươi) đến đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt 03/4/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; **điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; Điều 91; khoản 1 Điều 101** của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn T4 T1 từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù của bản án số 23/2020/HSPT ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tội “Cố ý gây tH1 tích”, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là từ 33 (Ba mươi ba) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo thi hành án 14/6/2020.

Về vật chứng vụ án: vật chứng bao gồm 01 con dao gấp bằng kim loại, màu đen kích thước dài 21cm, lưỡi dao có chữ “xiezi”; 01 bình xịt màu đen có chữ “Police”, 01 chiếc áo khoác màu trắng loại có mũ, cổ áo có chữ “ Moschino”; 01 chiếc quần dài màu đen, vải nỉ có 3 sọc kẻ màu trắng; 01 chiếc ví gấp giả da màu đen, kích thước 10x20cm. T5 bộ là công cụ, pH1 tiện sử dụng vào mục đích phục vụ việc

thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Đề nghị áp dụng điểm a, b, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.800.000đồng do Trần Thu H2 giao nộp; số tiền 500.000đồng do Nguyễn Qাগiao nộp; số tiền 200.000đồng do Trần Bảo T3 giao nộp là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, chia cho T1 (T1 nhờ H2 giữ hộ), chia cho Qavà Bảo T3, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Số tiền 3.000.000đồng trong ví gấp giả da màu đen của D và số tiền 200.000 đồng trong ví gấp giả da màu nâu của T thu giữ tại biên bản khám xét ngày 03/4/2020 T5 bộ là tiền do phạm tội mà có nH3 mẹ bị cáo T là bà T2, mẹ bị cáo D là bà L đã cùng nhau bồi thường đủ cho những người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan và họ không có yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa, bà T2 và bà L không đề nghị được nhận lại mà đề nghị nộp số tiền trên vào ngân sách nhà nước nên thu để nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền 700.000đồng sau khi cướp được của ông N, bị cáo T đã đưa cho T1, T1 đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, cùng công nhận nội dung truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có chỗ nào oan sai; công nhận lời khai trong quá trình điều tra là tự nguyện và không bị ai ép buộc. Người giám hộ hợp pháp của các bị cáo không có ý kiến gì.

Những người bị hại có lời khai trong quá trình điều tra thể hiện tại hồ sơ vụ án có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo, phù hợp với nội dung vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi N vụ liên quan anh Vũ Bá C1, Nguyễn Hùng C, cháu Nguyễn Quỳnh Anh, Trần Bảo T3 và chị Trần Thu H2 có lời khai tại cơ quan Điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo. Người giám hộ hợp pháp của người có quyền lợi N vụ liên quan Quỳnh Anh, Bảo T3 không có ý kiến gì.

Những người làm chứng: Anh Nguyễn T Kiên, Dương Văn H3, Phan T4 Tùng, Nguyễn Văn T5 có lời khai tại cơ quan Điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong vụ án liên quan đến việc người làm chứng chứng kiến.

Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Văn T và Lê Văn D tại quan điểm bào chữa bằng văn bản cũng như tại phiên tòa thể hiện: người bào chữa không có ý kiến về tội danh, hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Viện kiểm sát nhân dân thành phố H nêu ra trong Cáo trạng và bản luận tội. Người bào chữa chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bổ sung một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: các bị cáo

phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi; hiểu biết pháp luật hạn chế. Các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo D đã ra đầu thú; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình đông con, bố mẹ làm nghề tự do không có thu nhập ổn định, do không học hành tử tế, thiếu sự quan tâm từ gia đình nên dễ bị lôi kéo sa ngã vào các tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó, đề xuất áp dụng Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T4 T1 tại phiên tòa hông có ý kiến gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, cơ quan Điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Điều tra, cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, qua khai nhận của bị cáo, đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa đã đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ ngày 30/3/2020 tại khu vực thuộc tổ 42, khu 4A, phường CX, thành phố H, Đỗ Văn T và Lê Văn D có hành vi dùng dao gấp bằng kim loại, màu đen kích thước dài 21cm và 01 bình xịt hơi cay đe dọa và chiếm đoạt của anh Vũ Quốc N số tiền 700.000đồng. Ngoài ra, T và D còn đe dọa anh N nhằm chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu đen bạc, BKS 14B1- 494.06 có trị giá 14.910.000đồng của anh N nh3 không thực hiện được.

Cùng hành vi tương tự, khoảng 15 giờ 20 phút ngày 02/4/2020, tại tổ 18, khu 3, phường Hà Khánh, thành phố H, T và D đe dọa và chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh đen, BKS 14X1- 213.34, trị giá 14.235.000đồng bên trong cốp xe có 01 ví da trị giá 125.000đồng, số tiền 5.000.000đồng cùng một số loại giấy tờ của anh Bùi Đình H1.

Khoảng 19 giờ ngày 02/4/2020, tại phòng trọ thuộc tổ 2, khu 1, phường Hà Khánh, thành phố H, Nguyễn T4 T1 có hành vi nhận 3.000.000đồng của Đỗ Văn T khi biết rõ là tiền do T bán tài sản phạm tội mà có để sử dụng chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo Đỗ Văn T và Lê Văn D đã phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; hành vi của Nguyễn T4 T1 đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d, sử dụng vũ khí, pH1 tiện hoặc thủ đoạn gây nguy hiểm khác;”.

Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân và quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe con người. Các bị cáo nhận thức rõ được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó là tài sản của người khác bị chiếm đoạt NH3 vẫn cố tình thực hiện và mong muốn chiếm đoạt tài sản đó. Các bị cáo sử dụng công cụ, pH1 tiện nguy hiểm là dao, bình xịt hơi cay và có những lời lẽ đe dọa nhằm mục đích tấn công người bị hại làm cho họ lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an T5 xã hội nên cần xử lý nghiêm để mang lại tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm. Bị cáo T là người nảy sinh ý định cướp tài sản, là người rủ bị cáo D đi cướp tài sản. T là người chuẩn bị công cụ pH1 tiện phạm tội là 1 con dao mũi nhọn và mượn xe của Nguyễn T4 T1 làm pH1 tiện phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo D là người thực hành giúp sức tích cực, khi T rủ đi cướp tài sản D đồng ý ngay, cùng T bàn bạc và thực hiện tội phạm xuyên suốt cùng T, cụ thể D cũng chuẩn bị công cụ phạm tội là 01 bình xịt hơi cay và thực hiện tội phạm rất quyết liệt. Do đó, vai trò của 2 bị cáo là ngang nhau.

[4]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T, D đã tác động gia đình, bồi thường thiệt hại cho những người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo, bị cáo D tự nguyện ra đầu thú nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Văn T, Lê Văn D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn T4 T1 đã bị xử lý hình sự bằng bản án số 23/2020/HSPT ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tội “Cố ý gây tH1 tích” nên theo quy định phải tổng hợp hình phạt của cả hai bản án để buộc bị cáo phải chấp hành.

[5]Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yama ha Sirius, màu xanh-đen, BKS 14X1- 213.34, số máy 5C6J208250, số khung C6J0GY208250 và 01 đăng ký xe mô tô số 009535, mang tên Vũ Văn Kiên; 01 giấy phép lái xe số M639351, mang tên Bùi Đình H1; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô đối với người thứ ba số 1354551; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Đình H1; 01 thẻ mô tô khách mang tên Bùi Đình H1; 01 chiếc ví giả da màu nâu kích thước 10x20cm, trên ví có chữ CROCODILE LEATHER cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Đình H1.

Cơ quan điều tra trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen-xám, BKS 14S1-2851,số máy JC43E1288733, số khung RLHJC4319 AY620775 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Vũ Bá C1 - sinh năm 1965 (Nơi cư trú: tổ 3, khu 1, phường Hà Khánh, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh).

Đối với số tiền 2.800.000đồng do Trần Thu H2 giao nộp; số tiền 500.000đồng do Nguyễn Qagiao nộp; số tiền 200.000đồng do Trần Bảo T3 giao nộp là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, chia cho T1 (T1 nhờ H2 giữ hộ), chia cho Qavà Bảo T3, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Số tiền 3.000.000đồng trong ví gấp giả da màu đen của D và số tiền 200.000 đồng trong ví gấp giả da màu nâu của T thu giữ tại biên bản khám xét ngày 03/4/2020 T5 bộ là tiền do phạm tội mà có nH3 mẹ bị cáo T là bà T2, mẹ bị cáo D là bà L đã cùng nhau bồi thường đủ cho những người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan và họ không có yêu cầu bồi thường thêm nên theo quy định trả lại cho bà T2 và bà L. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà T2 và bà L không đề nghị được nhận lại mà đề nghị nộp số tiền trên vào ngân sách nhà nước nên thu để nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 200.000 T1 đã dùng để chi tiêu cá nhân trong số 3.000.000 đồng nhận được của T vào ngày 02/4/2020 và số tiền 700.000 đồng nhận của T vào ngày 30/3/2020. T1 đã dùng số tiền này chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về bồi thường dân sự: ông Vũ Quốc N nhận số tiền 700.000đồng và không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại, ông Bùi Đình H1 nhận được xe mô tô và số tiền 5.000.000đồng và không có yêu cầu gì, anh Nguyễn Hùng C đã nhận được số tiền bồi thường 8.800.000 đồng và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[6]Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo phạm tội khi còn đang tuổi vị thành niên, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn T, Lê Văn D phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn T4 T1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Qacó hành vi biết rõ tài sản do T, D phạm tội mà có, cùng đi bán, nhận số tiền 500.000đồng của D và cất giấu hộ D số tiền 3.000.000đồng . Hành vi này có dấu hiệu của tội phạm “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tuy nhiên, Qachưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 của Bộ luật Hình sự nên không đề cập xử lý.

Đối với Trần Bảo T3 nhận tiền từ Đỗ Văn T, tuy nhiên T3 hoàn T5 không biết số tiền trên là do T và D phạm tội mà có. Trần Thu H2 cất giữ số tiền 2.800.000đồng cho Nguyễn T4 T1 và đi cùng T1 tới gặp T, D tại nhà nghỉ Anh Tan nH3 không biết T, D và T1 phạm tội. Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý nên không xét.

Đối với việc anh Nguyễn Hùng C mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh đen, BKS 14X1-213.34 là vật chứng của vụ án, tuy nhiên khi mua anh C không biết chiếc xe này là tài sản do T phạm tội mà có, nên cơ quan Điều tra không đề cập xử lý, Tòa án không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm d, khoản 2 Điều 168; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 54, Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Văn T, Lê Văn D** phạm tội “**Cướp tài sản**”.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Văn T 30 (ba mươi)** tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt 3/4/2020.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn D **30 (ba mươi)** tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt 3/4/2020.

Căn cứ vào: khoản 1, Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn T4 T1** phạm tội “**Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T4 T1 **09 (chín)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù bị cáo đang chấp hành của bản án số 23/2020/HSPT ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tội “Cố ý gây tH1 tích”, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là **33 (ba mươi ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án 14/6/2020.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2, Điều 106; Điều 135, 136, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao gấp bằng kim loại, màu đen kích thước dài 21cm, lưỡi dao có chữ “xiezi”; 01 bình xịt màu đen có chữ “Police”, 01 chiếc áo khoác màu trắng loại có mũ, cổ áo có chữ “ Moschino”; 01 chiếc quần dài màu đen, vải nỉ có 3 sọc kẻ màu trắng; 01 chiếc ví gấp giả da màu đen, kích thước 10x20cm là những vật chứng liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu số tiền 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 258 /BB – THA ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H*).

Truy thu của bị cáo Nguyễn T4 T1 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn T4 T1 phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đỗ Văn T, Lê Văn D không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt các bị cáo, có mặt người đại diện hợp pháp của bị cáo T, D; có mặt người bào chữa Vũ Thị Uyên, Nguyễn Thị Thu H1; có mặt người có quyền lợi liên quan Trần Thu H2; vắng mặt những người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan Nguyễn Hùng C, Vũ Bá C1, Nguyễn Qavà người đại diện hợp pháp của Nguyễn Quỳnh Anh, Trần Bảo T3 và người đại diện hợp pháp của Trần Bảo T3; vắng mặt người bào chữa Nguyễn Hùng Tân.

Báo cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho

những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP H;
- CQCSĐT CA TP H;
- THADS TP H;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLVN liên quan
- Người bào chữa,
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo
- Nhà tạm giữ CATP H
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh
- Trại giam Xuân Nguyên, Hải Phòng
- Lưu HS; Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Yến